TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T.S** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày: 15/10/2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mạnh Hải, ông Nguyễn Văn An.

- Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST- KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST- KDTM ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.Đ ; Địa chỉ: Số 21 C.L, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Q.Đ; Địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 K.L, đường P.N.T, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc N; Chức vụ: Tổng giám đốc (Theo hợp đồng ủy quyền số 02/UQ.MB-MBAMC ngày 31/01/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đinh Thị L; Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Công ty MBAMC (Theo văn bản ủy quyền số 442/UQ-MBAMC ngày 01/02/2019).

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tiến D - Chuyên viên xử lý nợ Công ty MBAMC; Địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 K.L, đường P.N.T, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc L1 sinh năm 1970; Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, đại diện ngân hàng TMCP Q.Đ (MB) trình bày: Vào ngày 12/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh và ông Nguyễn Đắc L1, bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng tín dụng số 812718.18.029.1582785.TD với hạn mức 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh đồ gỗ. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ. Thời hạn cho vay 12 tháng. Trả nợ gốc theo văn bản nhận nợ và các thỏa thuận khác (nếu có).

Tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD 1834730595 ngày 12/12/2018 ông L1, bà H đã nhận số tiền 1.920.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi 9,5% năm, ngày điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung bình dài hạn linh hoạt VNĐ kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Q.Đ xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 3,0%/năm. Kỳ tính lãi đầu tiên của khoản vay sẽ bắt đầu vào ngày giải ngân của khoản vay đó và kết thúc vào ngày 09/01/2019. Tiền nợ gốc được trả vào cuối kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông L1, bà H đã thế chấp tài sản của vợ chồng là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 281, tờ bản đồ số 01, diện tích 178m^2 (nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 55, diện tích 175,3m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868485, vào sổ cấp GCN số H01243 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130994.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng B.H, tỉnh Bắc Ninh.

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 262, tờ bản đồ số 01, diện tích 121m^2 (nay là thửa số 137, tờ bản đồ số 55, diện tích 122,2m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868484, vào sổ cấp GCN số H01244 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130993.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ –

Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi nhận tiền từ Ngân hàng MB, ông L1, bà H mới thanh toán được 123.974.390 đồng tiền lãi và 216 đồng tiền nợ gốc. Ngày 13/9/2019 toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Từ đó đến nay ông L1, bà H không trả tiền cho Ngân hàng MB theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 09/03/2020 ông L1, bà H còn nợ ngân hàng MB số tiền là 2.078.239.076 đồng, trong đó nợ gốc 1.919.999.784 đồng, nợ lãi 158.239.292 đồng. Ngân hàng MB đã đòi nhiều lần nhưng ông L1, bà H không trả nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông L1, bà H phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Nếu ông L1, bà H không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông L1, bà H đối với Ngân hàng TMCP Q.Đ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L1, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.Đ.

Bị đơn là ông L1 vắng mặt tại địa phương, không ai biết địa chỉ của ông L1 ở đâu nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H xác nhận số nợ gốc, nợ lãi theo như yêu cầu khởi kiện của ngân hàng MB là đúng. Đây là nợ chung của vợ chồng nhưng hiện tại ông L1 không có nhà nên bà không quyết định được vấn đề này. Bà chỉ biết ông L1 đi làm ăn ở Gia Lai còn địa chỉ cụ thể không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án. Để đảm bảo cho khoản vay tiền tại Ngân hàng Q.Đ, vợ chồng bà đã thế chấp hai nhà đất là tài sản của vợ chồng tại thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh theo như ngân hàng trình bày là đúng. Bà đã được Tòa án thông báo kết quả thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, bà đồng ý, không bổ sung gì. Bà đã nhận được Thông báo phiên hòa giải 2 lần của Tòa án nhưng bà không đến Tòa án làm việc, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà xin được vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông

Nguyễn Đắc L1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q.Đ số tiền nợ tính đến ngày 15/10/2020 là 2.231.514.816 đồng, trong đó nợ gốc 1.919.999.784 đồng, nợ lãi 311.515.032 đồng.

Ông L1, bà H phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 812718.18.029.1582758.TD, ký ngày 12/12/2018 và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 16/10/2020 đến khi thanh toán xong nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông L1, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q.Đ có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, các tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 281, tờ bản đồ số 01, diện tích 178m^2 (nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 55, diện tích 175,3m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868485, vào sổ cấp GCN số H01243 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130994.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh.

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 262, tờ bản đồ số 01, diện tích 121m^2 (nay là thửa số 137, tờ bản đồ số 55, diện tích 122,2m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868484, vào sổ cấp GCN số H01244 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130993.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà Hà tại văn phòng công chứng B.H, tỉnh Bắc Ninh.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông L1, bà H đối với Ngân hàng TMCP Q.Đ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L1, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người liên quan trong vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt đã được tống đạt, niêm yết

công khai hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 317, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 300, 301, 302, 306, 317 và 319 Luật Thương Mại; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12 ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.Đ (MB) đối với ông Nguyễn Đắc L1, bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Đắc L1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q.Đ số tiền nợ tính đến ngày 15/10/2020 là 2.231.514.816 đồng, trong đó nợ gốc 1.919.999.784 đồng, nợ lãi 311.515.032 đồng. Ông L1, bà H phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 812718.18.029.1582758.TD, ký ngày 12/12/2018 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD 1834730595 ngày 12/12/2018 kể từ ngày 16/10/2020 đến khi thanh toán xong nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông L1, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q.Đ có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, các tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 281, tờ bản đồ số 01, diện tích 178m^2 (nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 55, diện tích 175,3m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868485, vào sổ cấp GCN số H01243 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130994.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng B.H, tỉnh Bắc Ninh.

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 262, tờ bản đồ số 01, diện tích 121m^2 (nay là thửa số 137, tờ bản đồ số 55, diện tích 122,2m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868484, vào sổ cấp GCN số H01244 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh

cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130993.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng B.H, tỉnh Bắc Ninh.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông L1, bà H đối với Ngân hàng TMCP Q.Đ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L1, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.Đ.

Ông L1, bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Q.Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đắc L1, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Ông L1, bà H có đăng ký kinh doanh hộ cá thể, mục đích vay tiền để kinh doanh đồ gỗ nên đây là vụ án kinh doanh thương mại, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là ông L1, bà H trú tại thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Tòa án nhân dân thị xã T.S đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án.Tại phiên tòa ngày 30/9/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 16 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 15/10/2020, bị đơn là ông L1 vắng mặt lần thứ hai, bà H xin xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét hợp đồng tín dụng số 812718.18.029.1582758.TD ngày 12/12/2018 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD 1834730595 ngày 12/12/2018

giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ với ông L1, bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Ông L1, bà H đã nhận đầy đủ tiền theo khế ước nhận nợ nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP Q.Đ đã khởi kiện ra Tòa án buộc ông L1, bà H phải trả tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Mặc dù ông L1 vắng mặt nhưng bà H đã xác nhận số nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định số nợ gốc, nợ lãi theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Buộc ông L1, bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/10/2020 là 2.231.514.816 đồng, trong đó nợ gốc 1.919.999.784 đồng, nợ lãi 311.515.032 đồng. Ông L1, bà H phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 812718.18.029.1582758.TD, ký ngày 12/12/2018 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD 1834730595 ngày 12/12/2018 kể từ ngày 16/10/2020 đến khi thanh toán xong nợ.

Tài sản thế chấp, để đảm bảo cho khoản vay này, ông L1 bà H đã thế chấp hai nhà đất là tài sản chung của vợ chồng là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 281, tờ bản đồ số 01, diện tích 178m^2 (nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 55, diện tích 175,3m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868485, vào sổ cấp GCN số H01243 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130994.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng B.H, tỉnh Bắc Ninh; Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 262, tờ bản đồ số 01, diện tích 121m^2 (nay là thửa số 137, tờ bản đồ số 55, diện tích 122,2m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868484, vào sổ cấp GCN số H01244 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130993.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng B.H, tỉnh Bắc Ninh. Đại diện nguyên đơn và bà H đều xác định tài sản thế chấp theo như hợp

đồng thế chấp đã ký. Xét thấy, việc ký kết tài sản thế chấp giữa ông L1, bà H với Ngân hàng MB đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Nếu ông L1, bà H không trả được tiền thì Ngân hàng MB có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản này theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông L1, bà H đối với Ngân hàng TMCP Q.Đ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L1, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.Đ.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông L1, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, 298, 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 300, 301, 302, 306, 317 và 319 Luật Thương Mại; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Nghị định số 63/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.Đ đối với ông Nguyễn Đắc L1, bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Đắc L1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q.Đ số tiền nợ tính đến ngày 15/10/2020 là 2.231.514.816 đồng, trong đó nợ gốc 1.919.999.784 đồng, nợ lãi 311.515.032 đồng. Ông L1, bà H phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 812718.18.029.1582758.TD, ký ngày 12/12/2018 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD 1834730595 ngày 12/12/2018 kể từ ngày 16/10/2020 đến khi thanh toán xong nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông L1, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q.Đ có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân

hàng, các tài sản bảo đảm là:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 281, tờ bản đồ số 01, diện tích 178m^2 (nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 55, diện tích 175,3m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868485, vào sổ cấp GCN số H01243 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130994.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng B.H, tỉnh Bắc Ninh.

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 262, tờ bản đồ số 01, diện tích 121m^2 (nay là thửa số 137, tờ bản đồ số 55, diện tích 122,2m^2) ở thôn M.Đ, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 868484, vào sổ cấp GCN số H01244 do UBND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/5/2006 cho ông Nguyễn Đắc L1. Hợp đồng thế chấp số 130993.15.029.1582785.BĐ ngày 16/12/2015 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q.Đ – Chi nhánh Bắc Ninh với ông L1 bà H tại văn phòng công chứng B.H, tỉnh Bắc Ninh.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông L1, bà H đối với Ngân hàng TMCP Q.Đ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L1, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.Đ.

Án phí: Ông L1, bà H phải chịu 76.630.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q.Đ 36.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0003663 ngày 15/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.S.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã T.S;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh